

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48 /2019/HS - ST

Ngày 27/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vy Phát Tước.

2. Bà Lục Thị Xinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Tô Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 49/2019/TLST - HS ngày 05/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HS ngày 14/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Mai Thanh T, sinh ngày 27/9/1996; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Ngọc H và con bà Dương Thị C; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2019 đến 11/9/2019. Nay bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 11/9/2019. Có mặt tại

2. Ma Văn H, sinh ngày 20/3/1989; Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 11/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đình Ng và bà Ma Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án - tại bản án số: 14/2017/HSST ngày 26/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2019 đến 11/9/2019. Nay bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 11/9/2019. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Lương Viết G, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Anh Nông Đình T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

+ Bà Dương Thị C, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 02/9/2019, Mai Thanh T điều khiển xe mô tô đèo Ma Văn H đi từ nhà của Tâm lên thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua ma túy về sử dụng. Lên đến thị trấn B, do không tìm mua được ma túy, xe mô tô gần hết xăng chưa có chỗ bán, nên cả hai đã lên Trung tâm y tế huyện C để tìm chỗ nghỉ. H điều khiển xe mô tô đi vào sân Trung tâm y tế huyện C, dựng xe ở sân trước phòng trực cấp cứu, nhà 6, lúc này khoảng 05 giờ cùng ngày. Sau đó, H đi vào trong hành lang của Khoa sản Trung tâm y tế huyện C. Khi đến phòng số 107 (phòng sản 1), Khoa sản, H thấy trong phòng sáng điện, cửa chính lúc này khép hờ một khoảng rộng khoảng 15cm, qua đó H nhìn vào trong và thấy các bệnh nhân đang ngủ, trên thành cửa sổ phía sau có 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng đồng của anh Lương Viết G đang cắm sạc, H đã nảy sinh ý định cùng T lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại. Lúc này, T cũng đi đến chỗ H, H nói với T “*có một chiếc điện thoại đang sạc trên cửa sổ*” (ý nói cho T biết để cùng T lén lút chiếm đoạt), nghe H nói vậy T hỏi “*ở đâu*” (ý hỏi vị trí chiếc điện thoại để cùng H lén lút chiếm đoạt), H không nói gì thêm mà đi về phía trước, thấy vậy T hiểu ý và đi theo H. H và T đi vòng qua phía sau phòng 107, Khoa Sản, nhà 6, đến cách vị trí chiếc điện thoại khoảng 05m (năm mét), H đứng lại chỉ tay về phía cửa sổ phía sau của phòng 107 và nói “*điện thoại ở kia*”. Nghe H nói vậy, T đi đến và nhảy qua lan can xi măng phía sau phòng 107, tiến đến vị trí chiếc điện thoại. T quan sát thấy trong phòng sáng đèn, chiếc điện thoại đang cắm sạc, T rút sạc rồi cầm điện thoại trèo qua lan can ra ngoài và cho điện thoại vào túi quần bên trái đang mặc trên người. Thấy T cầm 01 chiếc điện thoại quay ra, H hiểu rằng T đã lấy được chiếc thoại mà H đã chỉ cho T. Sau đó cả hai ra ngoài lấy xe mô tô và H điều khiển xe chở T đi mua xăng rồi về nhà T. Trên đường đi, H và T thống nhất sẽ cầm cố chiếc điện thoại để lấy tiền cùng tiêu xài cá nhân. Khi đi đến gần Ủy ban nhân dân xã L, T và H gặp anh Nông

Đình T, H đã cầm cố chiếc điện thoại cho anh Nông Đình T với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) và hẹn buổi chiều sẽ chuộc lại và trả thêm cho anh Nông Đình T 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Sau đó, H và T về ngủ ở nhà của T tại thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24/HĐ-ĐGTSTTHS ngày 03/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Đồn kết luận: “*Tổng giá trị của chiếc điện thoại Iphone (nêu trên) tại thời điểm ngày 02/9/2019 có giá: 3.000.000,đồng (ba triệu đồng)*”.

Vật chứng của vụ án gồm có:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy: MG492HN/A; số sê-ri: F17Q5TKUG5MQ; Số IMEI: 352028073123122, dung lượng bộ nhớ trong 16G, phiên bản 11.4.1(15G77), màu vàng đồng.

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 (một) phong bì.

- 01(một) chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 20B1-371.79; số máy 100E-1698025; số khung DXC-756044. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Dương Thị C, là mẹ đẻ của Mai Thanh T, khi T lấy xe đi bà C không biết T đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là bà Dương Thị C.

Tại bản cáo trạng số 45/CT - VKSCĐ ngày 03 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Mai Thanh T, Ma Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đối với bị cáo Mai Thanh T căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Mai Thanh T từ: 09 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

+ Đối với bị cáo Ma Văn H căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Ma Văn H từ : 12 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

Đề nghị xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Lương Viết G 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy: MG492HN/A; số sê-ri: F17Q5TKUG5MQ; Số IMEI: 352028073123122, dung lượng bộ nhớ trong 16G, phiên bản 11.4.1(15G77), màu vàng đồng.

- Tịch thu 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 (một) phong bì. Do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của bị cáo Mai Thanh T tại phiên tòa: Bị cáo T không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của bị cáo Ma Văn H tại phiên tòa: Bị cáo H không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đối với bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất. Đối với bị cáo H xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn , Kiểm sát viên ,Viện kiểm sát huyện Chợ Đồn , trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi , quyết định của cơ quan tiến hành tố t ụng và người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng các bị cáo không có ý kiến việc vắng mặt và không đề nghị hoãn phiên tòa, nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án, Kiểm sát viên nêu quan điểm việc vắng mặt của bị hại , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nói trên không ảnh hưởng đến việc xét xử khách quan vụ án vì hồ sơ đã có lời khai đầy đủ của những người vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 02/9/2019 tại phòng 107 (phòng sản 1), Khoa sản thuộc Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn (địa chỉ: tổ a, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn), Mai Thanh T cùng với Ma Văn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của anh Lương Viết G. Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại có giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương (khu trung tâm khám chữa bệnh) . Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173. Điều luật có nội dung:

“1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án : Trong vụ án này các bị cáo rủ rê hiểu ý nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội, không có bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo, nên chỉ xác định vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức. Vai trò của bị cáo T và H trong vụ án này là như nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Bị cáo Mai Thanh T: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. bị cáo Tâm có bà nội là Dương Thi H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Bị cáo Ma Văn H: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Bị cáo H có ông nội là Nông Đình M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ

theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu trước lần thực hiện hành vi phạm tội này bị cáo đã từng bị kết án chưa được xóa án tích và bị cáo H hiện nay đang bị điều tra trong một án khác về tội “trộm cắp tài sản”.

[5] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối bị cáo T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; đối với bị cáo H từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố là phù hợp.

[6] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy đối với bị cáo Mai Thanh T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đối với bị cáo Ma Văn H phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo đã từng bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, hiện nay bị cáo đang bị điều tra trong một vụ án thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng mức hình phạt tù để bị cáo tập trung cải tạo một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự vì không có tính khả thi cho việc thi hành án dân sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lương Viết G đề nghị được trả lại chiếc điện thoại mà các bị cáo đã chiếm đoạt và không đề nghị các bị cáo phải bồi thường gì thêm Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Nông Đình T không đề nghị lấy lại số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) đã nhận cầm cố cho các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự và cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về vật chứng:

- 01 (*một*) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy: MG492HN/A; số sê-ri: F17Q5TKUG5MQ; Số IMEI: 352028073123122, dung lượng bộ nhớ trong

16G, phiên bản 11.4.1(15G77), màu vàng đồng cần trả lại cho chủ sở hữu là anh Lương Viết G.

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 (một) phong bì. Đây là số tiền các bị cáo phạm tội mà có, vì vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[11] 01(một) chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 20B1-371.79; số máy 100E-1698025; số khung DXC-756044. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Dương Thị C, là mẹ đẻ của Mai Thanh T, khi Tâm lấy xe đi bà C không biết T đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là bà Dương Thị C và không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Mai Thanh T và Ma Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 65; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Thanh T: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Mai Thanh T cho UBND xã L, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ma Văn H: 12 (Mười hai) tháng tù, được trừ đi thời giam tạm giữ là 09 ngày (Từ ngày 02/9/2019 đến 11/9/2019) . Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[3]. Về vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Lương Viết G 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, kiểu máy: MG492HN/A; số sê-ri: F17Q5TKUG5MQ; Số IMEI:

352028073123122, dung lượng bộ nhớ trong 16G, phiên bản 11.4.1(15G77), màu vàng đồng.

- Tịch thu số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng) được niêm phong trong 01 (một) phong bì. Do các bị cáo phạm tội mà có sung quỹ nhà nước

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn).

[4] Án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Thanh T và Ma Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

[5] Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cạn